

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 601/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi, điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ kinh phí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;

Căn cứ Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về điều hành ngân sách cuối năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về điều hành ngân sách cuối năm 2023; xây dựng dự toán ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 108/TTr-STC ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ kinh phí như sau:

1. Thu hồi kinh phí đã phân bổ, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh, số tiền 64.615 triệu đồng (thu hồi để hoàn trả nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023).

2. Điều chỉnh nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chi nhiệm vụ chung năm 2023 số tiền: 90.194 triệu đồng (Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo).

3. Hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương số tiền 407.693 triệu đồng;

Nguồn kinh phí: Từ nguồn nhiệm vụ chung đầu năm 273.750 triệu đồng; nguồn điều chỉnh 90.194 triệu đồng; nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 30.000 triệu đồng; nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh 12.635 triệu đồng; nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2022 là 110 triệu đồng; nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu 1.004 triệu đồng (chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo).

4. Điều chỉnh giảm nguồn cải cách tiền lương trong dự toán giao đầu năm 2023 của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, số tiền là 18.494 triệu đồng (lý do điều chỉnh: do trong năm 2023 thực hiện xác định mức độ tự chủ để giao quyền tự chủ và phân loại đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP).

5. Thu hồi về nguồn tiết kiệm chi năm 2023, số tiền 4.936.820 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 05, 06, 07, 08 đính kèm)

6. Cho phép UBND thành phố Bắc Ninh sử dụng nguồn CCTL cấp xã để chi nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và Nghị định số 42/2023/NĐCP ngày 29/6/2023 của Chính phủ, số tiền 10 triệu đồng.

Điều 2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh theo chức năng phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành;

Các đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, không để xảy ra tình trạng tiêu cực, lãng phí, thất thoát trong quản lý và sử dụng NSNN. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- TT TU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.



Ngô Tân Phụng

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NHIỆM VỤ CHUNG

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	An Ninh	GD-ĐT	Y tế, Dân số	KHCN	VHTT	PTTH	BĐXH	SN kinh tế	Môi trường	Hành chính	Chi khác NS
1	Điều chỉnh đi	90.194	0	0	0	0	0	0	0	0	253	0	89.941
-	Hỗ trợ tình Huấ phân (dự kiến theo thỏa thuận đã ký kết sau khi báo cáo cấp có thẩm quyền)	89.941											89.941
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường	253									253		
2	Điều chỉnh đến	90.194	394	6.192	16	88	3.731	36	42.533	33.829	0	3.306	69
-	Kinh phí bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao	57.536	394	6.192	16	88	3.731	36	42.533	1.171		3.306	69
-	Kinh phí quy hoạch	32.658								32.658			

TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	407.693.466.000		
1	Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh	1.343.525.000		
*	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1.014.180.000		
	Kinh phí phục vụ các hoạt động kỷ niệm 50 năm Việt-Nhật	620.880.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình "Bắc Ninh với Khuyến học-Khuyến tài năm 2023"	393.300.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
*	Công Thông tin điện tử	145.975.000		
	Kinh phí phục vụ các hoạt động kỷ niệm 50 năm Việt-Nhật	145.975.000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
*	Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc	183.370.000		
	Kinh phí phục vụ các hoạt động kỷ niệm 50 năm Việt-Nhật	133.370.000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình "Bắc Ninh với Khuyến học-Khuyến tài năm 2023"	50.000.000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	396.000.000		
	Hội nghị cum thi đua các tỉnh Đồng Bằng Sông Hồng	396.000.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
3	Sở Công thương	930.000.000		
	Trung tâm Phát triển công thương			
	Bổ sung kinh phí tăng số người làm việc do điều chuyển chức năng nhiệm vụ và con người từ Trung tâm xúc tiến đầu tư sang	780.000.000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
	Công tác tổ chức Hội chợ công thương và sản phẩm OCOP	150.000.000	Sự nghiệp kinh tế	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	38.641.290.000		
	Cấp chênh lệch lương (từ 1490 lên 1800) do điều chỉnh nguồn cải cách tiền lương đã giao trong dự toán đầu năm 2023 vì đã tính trừ vào nguồn thu khi xác định mức độ tự chủ và phân loại đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 60	12.631.000.000	Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn điều chỉnh
	Cấp bù chênh lệch học tăng học phí học kì I năm học 23-24; cấp tiếp 10% hỗ trợ học phí học kì II năm học 22-23 (giữa năm đã bổ sung 90%)	26.010.290.000	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Nhiệm vụ chung: 19.965 triệu đồng; Nguồn điều chỉnh: 13.969 triệu đồng
4	Thanh tra tỉnh	31.899.000		
*	Tăng biên chế	31.899.000		
	Kinh phí chi theo định mức và lương 1490	28.214.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
	Chênh lệch lương từ 1490-1800	3.685.000	Nguồn cải cách tiền lương	
5	Hội Nông dân tỉnh	58.000.000		
	Tổ chức Lễ phát động và các hoạt động hưởng ứng chiến dịch làm cho TG sạch	58.000.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
6	Ban đại diện hội người cao tuổi	450.000.000		
	Kinh phí đối ứng thực hiện Dự án HAI	450.000.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
7	Sở Lao động, Thương binh & Xã hội	16.395.000.000		
	Sửa chữa hệ thống lan can bảo vệ và cánh cửa ra cầu thang thoát hiểm bằng inox khu nhà ở (3 tầng) của học sinh tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội	461.000.000	Đảm bảo xã hội	Nhiệm vụ chung
	Kinh phí mua quà tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 (theo Quyết định phê duyệt số 293/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2023)	15.934.000.000	Đảm bảo xã hội	- Nguồn: Nhiệm vụ chung - Thực hiện theo Công văn số 4155/UBND-KGVX ngày 20/11/2023 về việc mua quà tặng cho các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024
8	Chi trả nợ gốc	110.700.000	Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	
9	Công an tỉnh	41.742.000.000		
	Kinh phí tổ chức Toạ đàm về dự án Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ và dự án Luật đường bộ	150.000.000	An ninh	Điều chỉnh



	Kinh phí mua sắm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cho lực lượng an ninh thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh (Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh) năm 2023	36.508.000.000	An ninh	Nhiệm vụ chung
	Kinh phí triển khai Trang bị hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ Công an tỉnh tới Công an cấp huyện	4.884.000.000	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
	Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.	200.000.000	An ninh	Điều chỉnh
10	Hội Chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 tỉnh Bắc Ninh	68.700.000		
	Tổ chức Đại hội đại biểu hội Chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 tỉnh Bắc Ninh lần thứ II, nhiệm kỳ 2023-2028	68.700.000	Chi khác	Nguồn điều chỉnh
11	Văn phòng tỉnh ủy	1.042.164.000		
	Kinh phí đặt tăng số lượng báo Đảng	543.164.000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
	Bổ sung kinh phí còn thiếu giữa phương án tự chủ được UBND tỉnh được phê duyệt và dự toán được duyệt năm 2023	499.000.000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
12	Hỗ trợ mầm non ngoài công lập	862.700.000		
	Công ty TNHH đào tạo và phát triển nguồn nhân lực An Bình	706.800.000	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Nhiệm vụ chung
	Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Quang Huy	117.900.000	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Nhiệm vụ chung
	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Kinh Bắc	38.000.000	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Nhiệm vụ chung
13	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	582.188.000		
	Kinh phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ bảo đảm an toàn Lễ Thông xe cầu Kinh Dương Vương	21.025.000	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
	Hỗ trợ trả tiền điện nước cho đội bóng chuyên nữ Kinh Bắc	561.163.000	Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
14	Hội Hữu nghị với nhân dân các nước	35.000.000		
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội của Hội thành viên Hội hữu nghị Việt Nam-Hàn Quốc	35.000.000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
15	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế	88.000.000		
	Phối hợp truyền truyền đối ngoại môi trường đầu tư tỉnh Bắc Ninh 2023	88.000.000	Sự nghiệp khoa học	Nguồn điều chỉnh
16	Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	30.000.000.000	Dự phòng	
17	Tỉnh đoàn	1.300.000.000		
	Chương trình Bắc Ninh với khuyến học khuyến tài năm 2023	1.300.000.000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
18	Đài PTTT tỉnh	36.000.000		
	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình "Bắc Ninh với Khuyến học-Khuyến tài năm 2023"	36.000.000		
19	Bổ sung kinh phí thực hiện quy hoạch phân khu	64.615.000.000	Chi tiết theo phụ lục 04	Nhiệm vụ chung 31.957 triệu đồng, nguồn điều chỉnh 32.658 triệu đồng
20	Bổ sung mục tiêu	208.965.300.000	Chi tiết theo phụ lục 03	

TỔNG HỢP BỔ SUNG MỤC TIÊU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

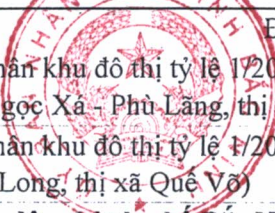
STT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiên Du	Lương Tài	Quế Võ	Thuận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình	Nguồn kinh phí
	TỔNG	208.965	32.828	27.318	16.119	31.312	30.110	22.668	27.571	21.040	
I	Từ nguồn nhiệm vụ chung	162.364	29.744	15.530	10.140	23.713	23.223	20.402	25.492	14.120	
1	Hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026, hỗ trợ kỳ I năm học 2023-2024 (theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023)	80.153	20.015	4.581	3.838	11.610	11.407	6.652	17.608	4.442	Sự nghiệp giáo dục
2	Kinh phí hợp đồng lao động giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên và nhân viên nấu ăn các cơ sở giáo dục mầm non công lập, kỳ I năm học 2023-2024 (theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 07/7/2023)	66.270	8.801	9.869	5.042	9.059	8.158	12.083	6.673	6.585	Sự nghiệp giáo dục
3	Hỗ trợ kinh phí công tiêm phòng, công phun hoá chất, xăng phun hoá chất (theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 7/7/2022)	11.927	928	1.080	1.260	3.044	1.500	1.638	1.211	1.266	Sự nghiệp kinh tế
4	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND	255					226	29			An ninh
5	Hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp còn thiếu năm 2022	3.759					1.932			1.827	Sự nghiệp kinh tế
II	Từ nguồn điều chỉnh	45.597	2.913	11.702	5.967	7.433	6.860	2.167	1.635	6.920	
1	Bổ sung kinh phí an sinh xã hội năm 2022 (còn thiếu), năm 2023	42.522	2.530	11.182	5.305	7.240	6.671	1.948	963	6.683	Đảm bảo xã hội
2	Chế độ bồi dưỡng đối với công chức thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính (Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023)	1.325	258	357	40	193	0	177	132	168	Quản lý hành chính
3	Hỗ trợ nghệ nhân	205	125	58	2				20		Sự nghiệp văn hóa
4	Bổ sung kinh phí chi trả trợ cấp một lần cho Công an xã nghi việc (theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP)	394		105	120		58	42		69	An ninh
5	Chế độ học bổng đối tượng khuyết tật (theo Thông tư 42/2013)	29					20		9		Sự nghiệp giáo dục
6	Trợ cấp Cựu chiến binh thôi không làm công tác hội	11							11		Đảm bảo xã hội
7	Phụ cấp cán bộ thú y xã, thôn	95					95				Sự nghiệp kinh tế
8	Chênh lệch đóng bảo hiểm y tế	16					16				Sự nghiệp y tế
9	Kinh phí tu bổ, chống xuống di tích (Huyện Lương Tài: Nhà thờ gia tộc Tiến sĩ Vũ Miên, xã Lâm Thao; Thành phố Từ Sơn: Đền thờ họ Nguyễn Chu, phường Hương Mạc)	1.000			500				500		Sự nghiệp văn hóa
III	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	1.004,3	171,060	85,840	11,840	165,760	26,640	99,160	444,000		Trung ương bổ sung mục tiêu

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số tiền
	TỔNG	64.615
I	Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị	36.700
1	Các đồ án đã bố trí một phần vốn	9.200
-	Quy hoạch phân khu khu vực đô thị Trạm Lộ - Ninh xá - Gia Đông, huyện Thuận Thành (nay là thị xã Thuận Thành)	500
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Tam Đa - Dũng Liệt, huyện Yên Phong (Phân khu số 4)	1.000
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Tam Sơn - Tương Giang, thành phố Từ Sơn (Phân khu số 7)	900
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Đại Đồng - Tri Phương, huyện Tiên Du (Phân khu số 10)	900
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực trung tâm Phố Mới mở rộng, thị xã Quế Võ (Phân khu số 19)	1.500
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Đại Xuân - Nhân Hoà, thị xã Quế Võ (Phân khu số 20)	1.000
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Quế Tân - Việt Hùng, thị xã Quế Võ (Phân khu số 21)	1.700
-	Lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến 2045	1.700
2	Các đồ án chưa bố trí vốn	27.500
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 1 (Hòa Tiến - Tam Giang, huyện Yên Phong)	1.700
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong)	3.800
-	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu phía Đông Bắc Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 3)	2.500
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du và thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 6)	2.500
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Liên Bảo - Hoàn Sơn - Hiến Văn - Việt Đoàn - Phật Tích - Cảnh Hưng - Minh Đạo (Phân khu số 11)	3.800
-	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Lim mở rộng (Phân khu số 12)	1.500
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đông Nam thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 16)	2.000
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 17 (Khu đô thị Đông Nam QL.1A, thành phố Bắc Ninh)	3.700
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 18)	6.000
II	Ủy ban nhân dân thành phố Từ Sơn	8.000
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 8 (Châu Khê - Phù Khê - Hương Mạc - Đồng Kỵ - Đồng Nguyên - Trang Hạ, thành phố Từ Sơn)	4.000
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 9 (Đình Bảng - Tân Hồng - Đông Ngàn - Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn)	4.000
III	Ủy ban nhân dân thị xã Thuận Thành	1.915
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực Hồ, Song Hồ, An Bình, thị xã Thuận Thành	1.915
IV	Ủy ban nhân dân thị xã Quế Võ	9.500



STT	Đơn vị	Số tiền
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lãng, thị xã Quế Võ)	5.000
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 23 (Phù Lãng - Châu Phong - Đức Long, thị xã Quế Võ)	4.500
V	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	8.500
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 13 (Khu vực Vạn An - Khúc Xuyên - Phong Khê, thành phố Bắc Ninh)	2.500
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14)	3.000
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 15 (Thị Cầu - Vũ Ninh - Suối Hoa - Kinh Bắc - Tiên An - Vệ An - Ninh Xá - Đại Phúc - Võ Cường, thành phố Bắc Ninh)	3.000

TỔNG HỢP THU HỒI KINH PHÍ VỀ NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng (1)	4.936.820
1	Thu hồi nhiệm vụ chung đã bố trí dự toán cấp tỉnh	787.664
2	Kinh phí điều chỉnh để thực hiện Đề án Tỉnh an toàn giao thông	9.625
3	Thu hồi kinh phí đã phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách còn dư (cấp tỉnh)	292.940
4	Thu hồi vốn đầu tư	
5	Thu hồi kinh phí bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện	29.946
6	Nguồn dự phòng ngân sách còn dư	344.396
7	Tiền đất năm 2023	4.527
8	Tiền đất BT điều tiết ngân sách cấp tỉnh	63.028
9	Kinh phí ngân sách cấp dưới nộp trả - Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	21.107 10.078
10	Kinh phí đã thu hồi tại Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh	295.163
11	Hủy dự toán nguồn chi trả nợ gốc và lãi vay	1.143
12	Nguồn đã thu hồi tại Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh	600.000
13	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi 2022 chưa phân bổ tại Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của HĐND tỉnh	2.487.281

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI NHIỆM VỤ CHUNG NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng DT 2023	Đã phân bổ, điều chỉnh đến 31/10/2023	Điều chỉnh	Phân bổ	Thu hồi
	Tổng	2.396.674	1.245.066	90.194	273.750	787.664
1	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh	1.500	1.000			500
2	Kinh phí thực hiện chính sách thu hút nhân tài	1.000	57			943
3	Kinh phí tổ chức đào tạo cán bộ, công chức	2.500	1.108			1.392
4	Quà Tết nguyên đán cho các đối tượng chính sách, người nghèo và bảo trợ xã hội	25.000	0		15.934	9.066
5	Kinh phí tổ chức Festival "Về Miền Quan họ năm 2023-Kết nối di sản văn hóa phi vật thể 3 miền"	16.380	16.380			0
6	Kinh phí chống xuống cấp di tích	60.000	60.000			0
7	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 316/NQ-HĐND ngày 11/12/2020: nâng cao đội ngũ giáo viên và mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học...	500.000	0			500.000
8	Kinh phí hỗ trợ tiền học phí	108.000	108.000			0
9	Chi các nhiệm vụ, đề án giáo dục khác (dự kiến hỗ trợ mức đóng học phí khi tiền học phí tăng, Nghị quyết 315/NQ-HĐND; Nghị quyết 314/NQ-HĐND...)	386.330	286.330		100.000	0
10	Kinh phí thực hiện chương trình sửa học đường	60.000	60.000			0
11	Kinh phí tăng biên chế giáo viên và chi trả hợp đồng giáo viên ngoài chỉ tiêu biên chế	170.000	99.109		66.270	4.621
12	Hỗ trợ lãi suất dự án nước sạch	4.973	4.973			0
13	Kinh phí thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học	45.368	45.368			0
14	Kinh phí thực hiện các dự án công nghệ thông tin	67.140	737		4.884	61.519
15	Kinh phí đối ứng các dự án, đề án, nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.	102.073	65.285		932	35.856
16	Kinh phí mua sắm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cho lực lượng an ninh thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh (Nghị quyết số 137/NQ-HĐND)	37.184	0		36.508	676
17	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và Tổ dân phòng tự quản theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND	45.000	43.500		255	1.245
18	Kinh phí chi hỗ trợ đầu tư dự án nước sạch	49.400	49.400			0
19	Kinh phí diễn tập phòng thủ cấp huyện	5.000	5.000			0
20	Kinh phí diễn tập phòng chống lụt bão cấp huyện	4.000	4.000			0
21	Hỗ trợ huyện Quế Võ và Thuận Thành lên thị xã	76.140	76.140			0
22	Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ ngày lễ lớn	20.000	15.000			5.000
24	Kinh phí hỗ trợ giáo dục ngoài công lập	10.000	5.000		863	4.137
25	Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND	54.653	9.541		15.686	29.426
26	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường	100.000	80.000	253		19.747
27	Hỗ trợ nhà ở người có công; người nghèo	50.000	50.000			0
28	Sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm tài sản	172.270	78.200			94.070
29	Kinh phí sửa chữa, bảo trì thường xuyên trụ sở một số cơ quan, đơn vị	2.357	0		461	1.896
30	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật trên cạn và thủy sản đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới	20.000	20.000			0
31	Kinh phí sưu tầm, bổ sung cổ vật	1.900	0			1.900
32	Tư liệu hóa, số hóa hiện vật tiêu biểu của bảo tàng	1.200	0			1.200
33	Thực hiện Đề án 938 "Tuyên truyền giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2022-2025"	1.700	790			910
34	Thực hiện Đề án "Tư vấn học đường trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025"	22.000	12.000			10.000



TT	Tên đơn vị	Tổng DT 2023	Đã phân bổ, điều chỉnh đến 31/10/2023	Điều chỉnh	Phân bổ	Thu hồi
35	Thực hiện Kế hoạch số 498/KH-UBND ngày 28/10/2022: Bắc Ninh phân đấu không còn thực phẩm không an toàn giai đoạn 2022-2025	6.965	6.965			0
36	Kinh phí hỗ trợ tăng cường công tác thu ngân sách	2.500	0			2.500
37	Kinh phí hỗ trợ phối hợp công tác kiểm soát chi, khóa sổ cuối năm, quyết toán ngân sách địa phương	1.000	0			1.000
38	Kinh phí hỗ trợ công tác thống kê	1.200	1.140			60
39	Hỗ trợ tỉnh Hòa phẫn (dự kiến theo thỏa thuận đã ký kết sau khi báo cáo cấp có thẩm quyền)	89.941	0	89.941		0
40	Kinh phí Quy hoạch	72.000	40.043		31.957	0

TỔNG HỢP THU HỒI KINH PHÍ NĂM 2023

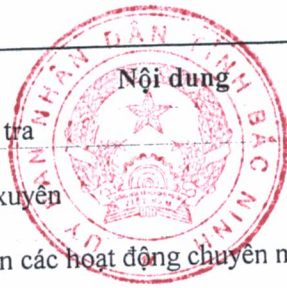
(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: đồng

	Nội dung	Số tiền	Nguồn
	Tổng cộng	302.565.269.493	
I	Kinh phí điều chỉnh để thực hiện Đề án Tỉnh an toàn giao thông	9.625.000.000	
II	Cấp tỉnh	292.940.269.493	
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	4.500.000.000	
	Kinh phí hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh	4.500.000.000	Quản lý hành chính
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7.512.318.821	
*	Văn phòng Sở	380.469.920	Sự nghiệp kinh tế
	Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (05041)	380.469.920	
*	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	86.574.985	Sự nghiệp kinh tế
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn	82.690.650	
	Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (05041)	3.884.335	
*	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	9.270.000	
	Kinh phí trang phục thanh tra; Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành	9.270.000	Quản lý hành chính
*	Chi cục Phát triển nông thôn	248.530.000	
	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	248.530.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
*	Chi cục Thủy lợi	2.293.066.000	
	Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành; Trang phục ngành	7.839.000	Quản lý hành chính
	Sửa chữa nhà kho dúc cứu hộ, mặt đê phòng chống lụt bão, xử lý đột xuất mùa mưa bão	2.285.227.000	Sự nghiệp kinh tế
*	Chi cục Kiểm lâm	2.776.934.120	
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn	175.652.000	Sự nghiệp kinh tế
	Trang phục ngành	8.634.120	Quản lý hành chính
	Sửa chữa, bảo trì thường xuyên hạt kiểm lâm Gia Thuận	2.500.000.000	Quản lý hành chính
	Duy tu, sửa chữa các bể nước phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng	41.851.000	Sự nghiệp kinh tế
	Mua sắm thiết bị, công cụ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy rừng theo đề án 378	30.297.000	Sự nghiệp kinh tế
	Chi phụ tùng bảo dưỡng sửa chữa máy phòng cháy chữa cháy rừng	20.500.000	Sự nghiệp kinh tế
*	Trung tâm khuyến nông và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	854.387.396	Sự nghiệp kinh tế
	Xây dựng mô hình	262.462.396	
	Chờ biên chế	139.000.000	
	Hỗ trợ sản xuất phát triển nông nghiệp	452.925.000	
*	Ban Quản lý rừng	5.486.400	
	Kinh phí chờ biên chế	5.486.400	Sự nghiệp kinh tế
*	Giảm biên chế ngành	173.500.000	Quản lý hành chính
*	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và biên chế giảm	684.100.000	Sự nghiệp kinh tế
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.688.092.300	Sự nghiệp kinh tế
*	Văn Phòng Sở	1.358.092.300	
	Kinh phí hỗ trợ chữ ký số công cộng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.345.932.300	
	Tổ chức Chương trình "gặp gỡ Hàn Quốc khu vực Bắc Bộ"	12.160.000	
*	Trung tâm xúc tiến đầu tư	1.330.000.000	
	Kinh phí chi thường xuyên	1.330.000.000	



	Nội dung	Số tiền	Nguồn
4	Sở Công thương	390.000.000	
	Kinh phí chi thường xuyên	310.000.000	Quản lý hành chính
	Hội nghị sơ kết biên bản ghi nhớ giữa Bộ Công thương, UBND tỉnh Bắc Ninh và Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam tại Bắc Ninh	80.000.000	Sự nghiệp kinh tế
5	Sở Khoa học và Công nghệ	27.194.326.241	
*	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	1.446.302.241	Sự nghiệp khoa học
	Nhiệm vụ Khoa học công nghệ đã nghiệm thu còn dư (nguồn 16)	406.536.241	
	Hội thảo khoa học nghiệm thu còn dư (nguồn 12)	9.906.000	
	KP hoạt động nghiệp vụ còn dư	1.029.860.000	
*	Trung tâm ứng dụng và Dịch vụ Khoa học công nghệ	350.000.000	Sự nghiệp khoa học
	Kinh phí kiểm chuẩn, giám định định kỳ các chuẩn đo lường đến hạn	350.000.000	
*	Nhiệm vụ Khoa học công nghệ chưa phân bổ	25.356.000.000	Sự nghiệp khoa học
	Nhiệm vụ Khoa học công nghệ không phân bổ hết do rà soát của tổ tài chính	718.500.000	
	Nhiệm vụ không tuyển chọn được năm 2023	12.900.000.000	
	Dự phòng không thực hiện	11.737.500.000	
*	Mua sắm bàn ghế phòng họp	42.024.000	Quản lý hành chính
6	Sở Tài chính	526.374.000	
*	Văn phòng Sở Tài chính	459.372.000	
	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý giá; Điều tra giá đất; Thuê chuyên gia tham gia hội đồng thẩm định giá đất	410.727.000	Sự nghiệp kinh tế
	Trang phục thanh tra	138.000	Quản lý hành chính
	Chi từ nguồn kinh phí trích lại sau thanh tra	48.507.000	Quản lý hành chính
*	Trung tâm tư vấn dịch vụ quản lý tài chính và tài sản công	67.002.000	
	Kinh phí chờ biên chế; kinh phí phục vụ đấu thầu tập trung	67.002.000	Sự nghiệp kinh tế
7	Sở Xây dựng	635.000.000	
	Kinh phí trích lại sau thanh tra	135.000.000	Quản lý hành chính
	Khảo sát và công bố đơn giá nhân công xây dựng; giá vật liệu xây dựng	500.000.000	Sự nghiệp kinh tế
8	Sở Giao thông Vận tải	4.681.697.000	
*	Trung tâm giám sát điều hành giao thông	1.363.000.000	Sự nghiệp kinh tế
	Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm đối với xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn tham gia giao thông	600.000.000	
	Kinh phí chờ biên chế (06 viên chức và 01 hợp đồng 68)	763.000.000	
*	Kinh phí bảo trì đường bộ (năm 2022 chuyển nguồn sang)	3.318.697.000	Sự nghiệp kinh tế
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	38.506.786.000	
	Kinh phí định mức chi thường xuyên; Kinh phí hỗ trợ sinh viên theo Nghị định 116	35.930.686.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Kinh phí thực hiện đề án bảo vệ môi trường	576.100.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở	2.000.000.000	Quản lý hành chính
10	Sở Y tế	49.754.102.379	



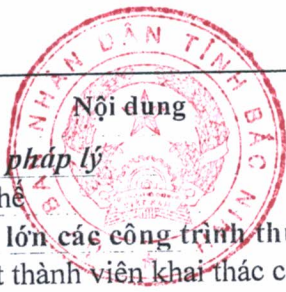
	Nội dung	Số tiền	Nguồn
	Trang phục thanh tra	5.301.000	Quản lý hành chính
	Kinh phí thường xuyên	14.090.000.000	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
	Kinh phí thực hiện các hoạt động chuyên môn lĩnh vực y tế, dân số	3.599.481.379	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
	Kinh phí hỗ trợ cho bệnh nhân tâm thần	60.000.000	Đảm bảo xã hội
	Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành y tế giai đoạn 2022-2026	31.999.320.000	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	12.950.089.000	
*	Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11.163.170.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Kinh phí đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ	11.163.170.000	
*	Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh	1.666.350.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND hỗ trợ học phí học nghề năm học 2022-2023	1.528.110.000	
	Kinh phí miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP năm học 2022-2023	138.240.000	
*	Cơ sở cai nghiện ma túy	108.569.000	Đảm bảo xã hội
	Mua 01 bơm định liều	4.355.000	
	Sửa chữa tường rào	104.214.000	
*	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và phục hồi chức năng cho người khuyết tật	12.000.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Mua máy photocopy	12.000.000	
12	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	13.574.526.000	
*	Văn phòng Sở	3.913.352.000	
	Festival 2023 - Kết nối di sản văn hóa 3 miền;	398.681.000	Sự nghiệp văn hóa
	Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn và xuất bản sách "Bách khoa toàn thư dân ca Quan họ Bắc Ninh"	1.460.000.000	Sự nghiệp văn hóa
	Kinh phí đề án Tinh an toàn giao thông tuyên truyền trên các bảng tấm lượn ở cửa ngõ ra vào tỉnh Bắc Ninh	66.000.000	Sự nghiệp văn hóa
	Diễn hành Mô tô phục vụ Festival	13.024.000	Sự nghiệp thể thao
	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực phòng chống bạo lực Gia đình; Tổ chức Ngày hội Gia đình tỉnh Bắc Ninh năm 2023 (Gặp mặt, biểu dương các Gia đình tiêu biểu; Chương trình nghệ thuật về chủ đề Gia đình; tuyên truyền trực quan về ngày Hội)	36.884.000	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
	Xây dựng chương trình tuyên truyền quảng bá du lịch Bắc Ninh phát sóng trên VTV	6.372.000	Sự nghiệp kinh tế
	Cải tạo, sửa chữa Thư viện và bảo tàng tỉnh	1.300.000.000	Sự nghiệp văn hóa
	Trả nợ các công trình quyết toán	9.977.000	Sự nghiệp văn hóa
	Sửa chữa khu nhà ở vận động viên của Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	622.414.000	Sự nghiệp thể thao
*	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	1.830.000.000	Sự nghiệp thể thao
	Kinh phí điều chỉnh chờ biên chế	40.000.000	
	Thuê chuyên gia nước ngoài: 02 chuyên gia	1.327.882.000	
	Mua sắm cơ sở vật chất khu vận động viên	462.118.000	
*	Trung tâm đào tạo bóng chuyền tỉnh	3.869.441.000	Sự nghiệp thể thao
	Kinh phí chờ biên chế	98.000.000	
	Thi đấu các giải bóng chuyền nữ quốc gia, quốc tế tổ chức tại Việt Nam; Chi Phục vụ công tác đào tạo; Tập huấn nước ngoài tại Châu Á; Bảo hiểm cháy nổ khu nhà ở và tập luyện của vận động viên	1.239.441.000	
	Mua sắm tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ tập luyện và sinh hoạt cho huấn luyện viên, vận động viên	1.262.000.000	



	Nội dung	Số tiền	Nguồn
	Mua dụng cụ, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ tập luyện và sinh hoạt khu nội trú	1.270.000.000	
*	Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật	3.806.728.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
	Kinh phí thường xuyên	75.073.000	
	Hỗ trợ miễn giảm học phí; Kinh phí bồi dưỡng nghề	1.562.655.000	
	Làm mái nhà để xe học sinh	297.000.000	
	Bảo trì, sơn, sửa chữa nhỏ khu giảng đường, khu nhà hiệu bộ, nhà đa năng... để phục vụ Lễ kỷ niệm 25 năm thành lập trường	872.000.000	
	Mua hệ thống sân khấu ngoài trời để phục vụ hoạt động thực hành biểu diễn và các hoạt động đào tạo của nhà trường	1.000.000.000	
*	Thư viện tỉnh	76.352.000	
	Mua sắm giá sách, giá báo, trang thiết bị phòng chuyên đề còn xếp	76.352.000	Sự nghiệp văn hóa
*	Trung tâm xúc tiến bảo tồn di tích	78.653.000	Sự nghiệp văn hóa
	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy nhà lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự	29.220.000	
	Mua sắm 01 máy ảnh	810.000	
	Mua máy điều hòa phòng làm việc tại Trung tâm Bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ	14.852.000	
	Lắp mới đèn sân vườn ở di tích Văn Miếu; thay thế, bổ sung đèn sân vườn ở Khu lưu niệm Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ, khu lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự	32.536.000	
	Trang bị, lắp mới hệ thống camera giám sát ở khu lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự và di tích Văn Miếu Bắc Ninh; thay thế hệ thống camera giám sát tại khu lưu niệm Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ	1.235.000	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	13.697.953.000	
	Văn phòng Sở	13.697.953.000	
	Kiểm tra khai thác cát sỏi lòng sông	58.155.000	Quản lý hành chính
	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, đề án, dự án	7.469.912.000	Sự nghiệp kinh tế
	Quản lý vận hành Trạm Quan trắc môi trường tự động	6.169.886.000	Sự nghiệp môi trường
14	Sở Thông tin truyền thông	13.486.000.000	
*	Sở Thông tin truyền thông	4.000.000.000	
	Thông tin đối ngoại	4.000.000.000	Sự nghiệp văn hóa
*	Trung tâm Công nghệ Thông tin và truyền thông	9.486.000.000	
	Thuê đường truyền; Duy trì, bảo trì, bảo dưỡng tài sản; Duy trì, bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống HNTH nội tỉnh	9.486.000.000	Sự nghiệp kinh tế
15	Sở Nội vụ	19.049.884	
*	Văn phòng Sở Nội vụ	17.656.684	
	Lớp bồi dưỡng công chức ngạch chuyên viên chính; Lớp tập huấn ND số 30/ND-CP về công tác văn thư lưu trữ	17.656.684	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
*	Ban Thi đua khen thưởng tỉnh	275.000	
	Hội nghị giao ban Cụm thi đua các tỉnh ĐBSH	275.000	Quản lý hành chính
*	Ban Tôn giáo (SN đào tạo)	1.118.200	
	02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo	1.118.200	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
16	Thanh tra tỉnh	3.829.000	
	Kinh phí tiếp công dân	3.829.000	Quản lý hành chính
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp	69.190.000	Quản lý hành chính
	Trang phục thanh tra	190.000	
	Phân mềm họp trực tuyến	35.000.000	
	Mua phôi guấy phép lao động	34.000.000	
18	Tỉnh Đoàn thanh niên	7.580.000.000	



	Nội dung	Số tiền	Nguồn
	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 3 tầng, nhà hội trường 2 tầng và hệ thống hạ tầng kĩ thuật ngoài nhà	7.500.000.000	Quản lý hành chính
	Liên hoan Giai điệu Sơn Ca	80.000.000	Sự nghiệp văn hóa
19	Hội liên hiệp thanh niên	72.000.000	
	Tham gia trại huấn luyện cấp I Trung ương Hội Liên hiệp TN Việt Nam- Trại huấn luyện Nguyễn Chí Thanh	72.000.000	Quản lý hành chính
20	Hội hữu nghị với nhân dân các nước	580.000.000	
	Tiếp nhận xe lăn; Tiếp đoàn khách nước ngoài về thăm	580.000.000	Quản lý hành chính
21	Ban đại diện hội người cao tuổi	250.000.000	
	Đề án CLB liên thế hệ tự giúp nhau	250.000.000	Quản lý hành chính
22	Ban an toàn thực phẩm tỉnh	51.363.600	Quản lý hành chính
	Bồi dưỡng thanh tra	32.000.000	
	Trang phục thanh tra	19.363.600	
23	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	360.000.000	
	Kinh phí tổ chức Hội chợ "Người Việt nam dùng hàng Việt Nam"	360.000.000	Quản lý hành chính
24	Quỹ hỗ trợ nông dân	12.000.000.000	Chi khác
25	Quỹ Tài năng trẻ	50.000.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
26	Tòa án nhân dân tỉnh	500.142.796	
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến	500.142.796	Chi khác
27	Công an tỉnh	224.603.400	An ninh
	Chi tổ chức hội nghị trao thưởng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2022, phát động phong trào 2023; Hội nghị trao tặng kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh tổ quốc" cho Lãnh đạo các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục	100.000.000	
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục lực lượng công an xã, tổ dân phòng tự quản khu dân cư (Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND)	123.852.000	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình phối hợp số 09/Ctr-BCA-MTTQ	751.400	
28	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	24.512.000	
	Đào tạo cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự xã	24.512.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo
29	Hỗ trợ các công trình nước sạch nông thôn	4.794.000.000	Chi khác
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh	5.728.848.572	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
31	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	300.000.000	
	Trung tâm văn hóa Kinh Bắc: Sửa chữa bảo dưỡng tài sản và trang thiết bị hội trường, nhà cửa, trụ sở...	300.000.000	Sự nghiệp văn hóa
32	Trung tâm hành chính công tỉnh	30.267.500	
	Bộ nhận diện thương hiệu các ứng dụng nội ngoại thất theo văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ: bảng hiệu Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh	30.267.500	Sự nghiệp kinh tế
33	Sở Tư pháp	1.609.000.000	
*	Văn phòng Sở	1.441.000.000	
	Kinh phí thực hiện đề án: Đẩy mạnh triển khai thực hiện các dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính và nâng cấp hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực; Tuyên truyền trên Thông tấn xã; Tin nhắn SMS để tuyên truyền; Hội nghị phổ biến GDPR và truyền thông	1.402.000.000	Quản lý hành chính
	Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp hộ tịch	39.000.000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo



	Nội dung	Số tiền	Nguồn
*	Trung tâm trợ giúp pháp lý	168.000.000	
	Kinh phí chờ biên chế	168.000.000	Sự nghiệp kinh tế
34	Kinh phí sửa chữa lớn các công trình thủy lợi	61.442.000.000	
-	Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống	54.702.000.000	Sự nghiệp kinh tế
-	Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống	6.740.000.000	Sự nghiệp kinh tế
35	Trợ giá xe buýt	7.109.198.000	Sự nghiệp kinh tế
35	Hội sinh vật cảnh	45.000.000	
	Tổ chức vận chuyển Tác phẩm sinh vật cảnh tham gia dự triển lãm sinh vật các tại các tỉnh	45.000.000	Quản lý hành chính



BẮC NINH

Phụ lục 08

TỔNG HỢP THU HỒI KINH PHÍ BỔ SUNG MỤC TIÊU NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiên Du	Lương Tài	Quế Võ	Thuận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình
1	Kinh phí hỗ trợ nghệ nhân	41						41		
2	Kinh phí hỗ trợ phòng, chống dịch Covid 19	4.141		45				4.096		
3	Hỗ trợ kinh phí đóng học phí kỳ II năm học 2022-2023	267	51	49					167	
4	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	14.118	1.838	8.777		446			602	2.455
5	Sửa học đường năm 2023	9	9							
6	Kinh phí quy hoạch	10.370			4.866					5.504
7	Kinh phí tu bổ, xuống cấp di tích văn hoá (Thành phố Từ Sơn: Đền thờ họ Nguyễn hữu, phố mai Động; Huyện Lương Tài: Đình làng Đạo Sứ - Thị trấn Thứa)	1.000			500				500	
	Tổng cộng	29.946	1.898	8.871	5.366	446	-	4.137	1.269	7.959